TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 8 – 2024
V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống như vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thái.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống như vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Mỹ H**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A, ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Việt L**, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Ngô Mỹ H trình bày:

Bà Ngô Mỹ H và ông Nguyễn Việt L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà H và ông L có với nhau 03 người con chung là chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 01-01-2001 và anh Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01-01-2004, anh Nguyễn Trọng K, sinh ngày 04-10-2012 đều đang sống chung với bà H. Do trong cuộc sống chung giữa bà H và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không

thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa nên đã ly thân được khoảng 03 năm.

Nay bà Ngô Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận bà Ngô Mỹ H và ông Nguyễn Việt L là vợ chồng;

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Trọng N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Yêu cầu giao con chung tên là Nguyễn Trọng K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Việt L:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo Tờ nguyện vọng của con chung chưa thành niên, Nguyễn Trọng K có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống như vợ chồng" theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, theo nguyên đơn trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, xác lập từ năm 2011. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối gì đối với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử căn cứ quy

định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà Ngô Mỹ H và ông Nguyễn Việt L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Ngô Mỹ H và ông Nguyễn Việt L có 03 con chung. Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 01-01-2001 và anh Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01-01-2004 đều đã thành niên và không thuộc các trường hợp khác quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Đối với con chung tên là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 04-10-2012 đang sống chung với bà H, tình cảm gắn bó với mẹ, điều kiện sống được đảm bảo và cháu K cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ cho đến tuổi trưởng thành. Bị đơn ông Nguyễn Việt L không có ý kiến phản đối hay đưa ra yêu cầu nào khác về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao cháu Nguyễn Trọng K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định tại Điều 81và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Việt L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Mỹ H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Mỹ H và ông Nguyễn Việt L.

- Về con chung: Đối với con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Trọng N đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Giao con chung tên là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 04-10-2012 cho bà Ngô Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông

Nguyễn Việt L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Ngô Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002648 ngày 04-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Nguyễn Việt L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thanh Lâm